



**Trụ sở chính:**  
Tầng 4 toà nhà TDL, 22 Láng Hạ, Đống Đa, HN  
Tel. 04.3248 4820 – Fax: 04.3248 4821  
E-mail: [info@tvs.vn](mailto:info@tvs.vn) – Website: [www.tvs.vn](http://www.tvs.vn)

**Chi nhánh Tp HCM:**  
Toà nhà Bitexco – 63A Võ Văn Tần, Q3, Tp HCM  
Tel. 08.6299 2099 – Fax: 08.6299 2088  
E-mail: [info.hcm@tvs.vn](mailto:info.hcm@tvs.vn) – Website: [www.tvs.vn](http://www.tvs.vn)

## HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Dành cho khách hàng trong nước)

Số tài khoản GDCK: 042

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm ....., tại trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt, chúng tôi gồm:

### 1. CHỦ TÀI KHOẢN (KHÁCH HÀNG)

- Loại tài khoản:  Cá nhân  Tổ chức
- Họ và tên cá nhân /Tổ chức:..... Giới tính:.....
- Số CMND / Hộ chiếu / ĐKKD : ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ thường trú/Trụ sở chính: .....
- Địa chỉ liên lạc: .....
- Số điện thoại cố định:..... Số ĐTDĐ..... Số Fax:.....
- E-mail: ..... Mã số thuế: .....
- Tài khoản tiền gửi số:..... Tại ngân hàng: .....

Sau đây gọi tắt là **Bên A**

### 2. TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT (TVS)
- Trụ sở chính : Tầng 4 toà nhà TDL – 22 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3248 4820 Fax: (84-4) 3248 4821
- Website: [www.tvs.vn](http://www.tvs.vn) E.mail: [info@tvs.vn](mailto:info@tvs.vn)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: **0103014996** do Sở KH & ĐT Hà Nội cấp ngày: 13 / 12 / 2006
- Giấy phép hoạt động KD chứng khoán số: **36 / UBCK - GPĐKKD** do UBCK Nhà nước cấp ngày 25 /12 /2006
- Đại diện bởi: Ông NGUYỄN TRƯỜNG GIANG Chức vụ: Giám đốc
- Theo văn bản uỷ quyền số: 01-07/UQ Ngày: 01/02/2007
- của người đại diện theo pháp luật : Ông NGUYỄN TRUNG HÀ Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
- Tài khoản giao dịch của nhà đầu tư : Số:220.10.00.008940.0 tại Ngân hàng BIDV - CN Thăng Long

Sau đây gọi tắt là **Bên B**

Bên A, sau khi đã tìm hiểu đầy đủ và kỹ lưỡng các thông tin liên quan tới việc mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Bên B, đồng ý ký kết Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) tại Bên B với các điều kiện và điều khoản cụ thể được quy định chi tiết và cụ thể từ trang 2 tới trang 4 của bản hợp đồng này.

### CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA CÁC BÊN

<b>KHÁCH HÀNG</b> (Ký và ghi rõ họ tên)	<b>CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT</b>
--	--

# ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG

## ĐIỀU 1: LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Hợp đồng này và các Phụ lục (nếu có) sẽ được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

## ĐIỀU 2: GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ

Trong Hợp đồng này, trừ khi có quy định hoặc ngữ cảnh khác, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 2.1 “**Chứng khoán**” là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành. Chứng khoán được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử, bao gồm các loại sau đây: a) Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ; b) Quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán.
- 2.2 “**Tài khoản giao dịch chứng khoán**” bao gồm tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán, tài khoản lưu ký chứng khoán và các tài khoản khác liên quan theo quy định của pháp luật.
- 2.3 “**Lệnh giao dịch chứng khoán**” là Lệnh mua chứng khoán, Lệnh bán chứng khoán hoặc Lệnh sửa hoặc Lệnh huỷ các Lệnh mua, bán chứng khoán đang có hiệu lực của khách hàng.
- 2.4 “**Lệnh giao dịch chứng khoán hợp lệ**” là Lệnh mua chứng khoán, Lệnh bán chứng khoán hoặc Lệnh sửa hoặc Lệnh huỷ các Lệnh mua, bán chứng khoán của khách hàng có đầy đủ thông tin và đúng **mẫu Phiếu lệnh hoặc Sổ lệnh** được Công ty chứng khoán ban hành và có chữ ký xác nhận hợp lệ của Công ty chứng khoán.
- 2.5 “**Lưu ký chứng khoán**” là việc nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao chứng khoán cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến sở hữu chứng khoán.
- 2.6 “**Ngày thanh toán bù trừ**” là ngày chuyển giao tiền, chuyển quyền sở hữu chứng khoán để thực hiện thanh toán theo kết quả khớp lệnh của ngày giao dịch trước đó bằng phương thức bù trừ.

## ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A trong hợp đồng này đề nghị bên B mở Tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên mình tại Bên B và sử dụng các dịch vụ của Bên B. Cụ thể như sau:

- 3.1. Quản lý tiền và chứng khoán;
- 3.2. Thực hiện giao dịch chứng khoán;
- 3.3. Lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
- 3.4. Thực hiện các dịch vụ khác liên quan đến kinh doanh chứng khoán của Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

## ĐIỀU 4: TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- 4.1. **Tài khoản tiền gửi:** Toàn bộ số dư tiền và các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền của Bên A sẽ được Bên B quản lý, theo dõi và hạch toán trên tài khoản này. Số dư tiền trong tài khoản tiền gửi của Bên A sẽ được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo lãi suất của ngân hàng nơi Bên B có tài khoản.
- 4.2. **Tài khoản lưu ký chứng khoán:** Toàn bộ số dư chứng khoán và các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chứng khoán của Bên A sẽ được quản lý, theo dõi và hạch toán trên tài khoản này. Quyền sở hữu đối với số chứng khoán lưu ký trên tài khoản này thuộc về Bên A và Bên A có toàn quyền nhận cổ tức hay bất kỳ lợi ích hợp pháp nào phát sinh từ số dư chứng khoán trong tài khoản lưu ký chứng khoán của mình.
- 4.3. **Tài khoản khác liên quan đến giao dịch chứng khoán:** Khi phát sinh các dịch vụ khác liên quan đến việc kinh doanh chứng khoán của Bên A dẫn đến việc phải mở thêm tài khoản (hay tiểu khoản) tương ứng theo quy định của pháp luật, Bên A đề nghị Bên B mở cho Bên A tài khoản tương ứng.
- 4.4. **Số dư tiền gửi, số dư chứng khoán:** Số dư tiền gửi, số dư chứng khoán trong tài khoản giao dịch chứng khoán của Bên A sẽ được Bên B quản lý tách biệt với tài sản của Bên B theo các quy định của pháp luật. Bên B chỉ có quyền thực hiện các giao dịch trên tài khoản của Bên A khi:
  - Khi có “**Lệnh giao dịch chứng khoán hợp lệ**” của Bên A;
  - Khi được Ủy quyền của Bên A cho Bên B theo đúng quy định của pháp luật;
  - Khi Bên A không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Bên B theo Điều 7 của Hợp đồng này;
  - Khi phát sinh các nghĩa vụ mà Bên A không thực hiện theo quy định tại khoản 10.8 Điều 10 của Hợp đồng này;
  - Khi Bên A không hoàn thành các nghĩa vụ tài chính ràng buộc theo các Hợp đồng, Thoả thuận cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác ký giữa hai bên hoặc giữa hai bên với bên thứ ba;

## ĐIỀU 5: GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- 5.1. Giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua Tài khoản giao dịch chứng khoán. Giao dịch chứng khoán chỉ được thực hiện khi có “**Lệnh giao dịch chứng khoán hợp lệ**” và được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về giao dịch chứng khoán. Bên A tự chịu trách nhiệm về việc vi phạm quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán khi tiến hành các giao dịch không đúng theo quy định;
- 5.2. Bên A thực hiện việc giao dịch chứng khoán bằng cách đặt lệnh theo Quy trình giao dịch do Bên B ban hành. Phương thức đặt lệnh là phương thức đặt lệnh trực tiếp hoặc bất kỳ phương thức đặt lệnh nào khác mà Bên B cung cấp cho Bên A và đã được Bên A đăng ký sử dụng. Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về pháp lý và tài chính với các lệnh đặt của mình nếu tiến hành đặt lệnh không đúng Quy trình giao dịch của Bên B hoặc tự ý đặt lệnh bằng các phương thức khác ngoài các phương thức do Bên B cung cấp và đã được Bên A đăng ký.

- 5.3. Bên A phải đảm bảo số dư tiền và/hoặc số dư chứng khoán trong tài khoản giao dịch chứng khoán của mình đáp ứng được các lệnh giao dịch chứng khoán do mình đưa ra.
- 5.4. Bên A chỉ được sửa đổi hoặc huỷ bỏ lệnh giao dịch chứng khoán do mình đưa ra trong trường hợp lệnh giao dịch chứng khoán của mình chưa được thực hiện. Việc sửa đổi hoặc huỷ bỏ lệnh giao dịch chứng khoán của Bên A chỉ được thực hiện trực tiếp tại quầy giao dịch và phải phù hợp với các quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán, các lệnh này phải được gửi tới bên B vào thời điểm hợp lý.
- 5.5. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Bên A dựa trên lệnh giao dịch chứng khoán hợp lệ. Các yêu cầu của Bên A phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.
- 5.6. Trong trường hợp lệnh giao dịch chứng khoán được khớp, số chứng khoán mua được và số tiền thu về từ việc bán chứng khoán sẽ được chuyển vào tài khoản của Bên A vào ngày thanh toán bù trừ.
- 5.7. Trong trường hợp Bên B là bên mua trong giao dịch lô lẻ với Bên A, Bên B phải thông báo giá mua chứng khoán lô lẻ và không được thu phí môi giới đối với Bên A.
- 5.8. Chứng từ đặt lệnh được hai bên xác nhận bao gồm **Phiếu lệnh hoặc Sổ lệnh**. Khi Phiếu lệnh hoặc Sổ lệnh được lập một cách hợp lệ và có chữ ký xác nhận của hai bên thì những chứng từ đó được coi là chứng từ không huỷ ngang, các bên không được quyền khiếu nại về những chứng từ đã được xác lập hợp lệ.

#### **ĐIỀU 6: RÚT VÀ/HOẶC CHUYỂN TIỀN VÀ/HOẶC CHỨNG KHOÁN TỪ TÀI KHOẢN**

- 6.1. Bên A có quyền rút toàn bộ hoặc một phần tiền và/hoặc chứng khoán từ tài khoản của mình. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các yêu cầu này của Bên A nếu như yêu cầu đó phù hợp với các quy định của pháp luật và nếu như số tiền hoặc chứng khoán mà Bên A muốn rút không bị ràng buộc bởi việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán, cầm cố hoặc nghĩa vụ tài chính nào khác.
- 6.2. Bên A có quyền yêu cầu Bên B chuyển khoản toàn bộ hoặc một phần số tiền hoặc chứng khoán của mình vào một tài khoản khác do Bên A chỉ định. Bên B có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu này của Bên A nếu như yêu cầu đó phù hợp với các quy định của pháp luật và nếu như số tiền hoặc chứng khoán mà Bên A muốn chuyển vào một tài khoản khác không bị ràng buộc bởi việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán, cầm cố hoặc nghĩa vụ tài chính nào khác.
- 6.3. Mọi yêu cầu rút và/hoặc chuyển tiền và/hoặc chứng khoán từ tài khoản của Bên A phải theo đúng trình tự và thủ tục do Bên B quy định.

#### **ĐIỀU 7: THANH TOÁN**

- 7.1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán theo kết quả giao dịch khi lệnh giao dịch chứng khoán của Bên A đã được Bên B thực hiện.
- 7.2. Bên A có nghĩa vụ thanh toán tất cả các loại phí và các nghĩa vụ phát sinh từ việc Bên B thực hiện theo yêu cầu của Bên A.
- 7.3. Bên B có quyền đơn phương trích tiền và/hoặc chứng khoán và/hoặc bán chứng khoán trong tài khoản giao dịch chứng khoán của Bên A để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ tài chính phát sinh theo các Hợp đồng, Thỏa thuận ... ký giữa hai bên hoặc với bên thứ ba.

#### **ĐIỀU 8: BÁO CÁO VÀ CHỨNG TỪ**

Bên B có nghĩa vụ cung cấp các báo cáo và hoá đơn cho Bên A như sau:

- 8.1. Báo cáo kết quả giao dịch khi Bên A có lệnh giao dịch chứng khoán được thực hiện thành công trong ngày;
- 8.2. Cung cấp chứng từ thanh toán phí giao dịch khi phát sinh phí giao dịch từ tài khoản giao dịch chứng khoán của Bên A;
- 8.3. Cung cấp sao kê tài khoản với các thông tin phản ánh số dư và lịch sử các giao dịch được thực hiện trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Bên A;
- 8.4. Cung cấp các chứng từ khác kèm theo các sản phẩm, dịch vụ... được Bên B cung cấp cho Bên A.

#### **ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

- 9.1. Có nghĩa vụ cung cấp và chịu toàn bộ trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin do mình cung cấp cho Bên B trong bất cứ tài liệu giao dịch nào đối với Bên B. Khi có sự thay đổi về các thông tin mà Bên A đã cung cấp cho Bên B, Bên A có nghĩa vụ thông báo cho Bên B ngay lập tức các thay đổi thông tin này.
- 9.2. Thực hiện các giao dịch chứng khoán thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của mình tuân thủ theo các quy trình, quy định giao dịch của Bên B và các quy định của pháp luật liên quan;
- 9.3. Thanh toán đầy đủ các khoản phí môi giới và các khoản phí khác có liên quan tới hoạt động giao dịch chứng khoán qua tài khoản của mình cho Bên B;
- 9.4. Đảm bảo số dư tiền mặt và/hoặc chứng khoán trong tài khoản của mình đáp ứng được yêu cầu ký quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 9.5. Tự chịu trách nhiệm về quyết định giao dịch của mình thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán;
- 9.6. Tuân thủ các quy định về việc sử dụng tài khoản giao dịch chứng khoán do Bên B đặt ra và các quy định pháp luật có liên quan;
- 9.7. Sở hữu tiền và chứng khoán trong tài khoản của mình;
- 9.8. Thực hiện các quyền của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- 9.9. Có quyền yêu cầu Bên B thông báo về kết quả thực hiện các giao dịch chứng khoán mà mình đã lệnh thực hiện. Có quyền khiếu nại, thắc mắc... với Bên B về kết quả giao dịch của mình trong vòng một (01) ngày kể từ ngày đặt lệnh giao dịch, sau thời gian nêu trên, mọi lệnh giao dịch của Bên A được coi là hợp lệ và không huỷ ngang.

- 9.10. Có quyền rút và/hoặc chuyển một phần và/hoặc toàn bộ tiền và/hoặc chứng khoán từ tài khoản của mình;
- 9.11. Được hưởng lãi phát sinh đối với số dư tiền trong tài khoản và cổ tức và hoặc các lợi ích phát sinh từ chứng khoán trong tài khoản của mình;

#### **ĐIỀU 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

- 10.1. Thực hiện các giao dịch chứng khoán theo lệnh giao dịch chứng khoán hợp lệ của Bên A;
- 10.2. Lưu giữ tiền và chứng khoán trong tài khoản giao dịch chứng khoán của Bên A theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan;
- 10.3. Giữ bí mật các thông tin về Bên A, trừ trường hợp pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu khác;
- 10.4. Không được sử dụng tiền và chứng khoán của Bên A khi chưa có lệnh giao dịch hợp lệ từ Bên A. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4.4 Điều 4 của Hợp đồng này;
- 10.5. Cung cấp thông tin về kết quả giao dịch, số dư tài khoản giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Bên A;
- 10.6. Bồi thường thiệt hại theo mức độ thiệt hại thực tế cho Bên A nếu thiệt hại đó xảy ra là do lỗi của mình.
- 10.7. Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên A vi phạm các nghĩa vụ được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này;
- 10.8. Có quyền sử dụng số tiền hoặc chứng khoán trong tài khoản giao dịch chứng khoán của Bên A để thanh toán chi phí dịch vụ mà mình cung cấp nếu Bên A không thanh toán cho mình;
- 10.9. Được thu phí theo quy định của pháp luật về phí đối với các dịch vụ mà mình cung cấp cho Bên A;

#### **ĐIỀU 11: UỶ QUYỀN**

Bên A có quyền uỷ quyền cho bên thứ ba quản lý tài khoản của mình. Việc uỷ quyền quản lý tài khoản của Bên A cho bên thứ ba phải được lập thành văn bản và tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về uỷ quyền trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán. Bên A chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các hành vi mà bên thứ ba nhận uỷ quyền thực hiện trong phạm vi uỷ quyền và thời hạn uỷ quyền.

#### **ĐIỀU 12: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

Bên B có nghĩa vụ bồi thường cho Bên A những thiệt hại thực tế xảy ra do lỗi của Bên B. Mức độ thiệt hại sẽ do hai bên cùng đánh giá dựa trên những gì đã xảy ra trong thực tế. Trong trường hợp hai bên không thể đưa ra mức thiệt hại thống nhất, mức độ thiệt hại sẽ được xác định theo các quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 13: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- 13.1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi được chấm dứt theo một trong các trường hợp trong Điều 13.2 dưới đây. Mọi sửa đổi, bổ sung sẽ chỉ có hiệu lực khi được chấp thuận của cả hai Bên bằng văn bản.
- 13.2. Hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:
  - 13.2.1 Bên A yêu cầu chấm dứt Hợp đồng theo một thông báo bằng văn bản gửi cho Bên B với điều kiện Bên A đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên B.
  - 13.2.2 Bên A vi phạm Hợp đồng này hoặc thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán được thể hiện trong Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nguồn thông tin xác thực. Khi đó, Hợp đồng sẽ chấm dứt ngay sau khi Bên B gửi văn bản thông báo trước ba (03) ngày cho Bên A;
  - 13.2.3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
  - 13.2.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật./.
  - 13.2.5. Bên A không có chứng khoán hoặc số dư tiền trên tài khoản giao dịch dưới mười ngàn (10.000) đồng và không có giao dịch trong suốt thời hạn hạn mười hai (12) tháng liên tục. Khi đó, Bên A mất toàn bộ quyền lợi phát sinh từ Hợp đồng, nếu có.
- 13.3. Các Bên hoặc người thừa kế quyền và nghĩa vụ các các Bên phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đối với Bên kia ngay cả khi Hợp đồng đã bị chấm dứt.
- 13.4. Không bị ràng buộc và/hoặc hạn chế bởi việc Hợp đồng bị chấm dứt, các nghĩa vụ của Bên A đối với Bên B phát sinh từ Hợp đồng sẽ vẫn ràng buộc trách nhiệm của Bên A cho đến khi các nghĩa vụ đó được thực hiện toàn bộ và dứt điểm.
- 13.5. Hợp đồng này thay thế cho tất cả các hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) đã ký giữa bên A và bên B.

#### **ĐIỀU 14: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Tất cả tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng hoà giải. Trong trường hợp hoà giải không thành, Toà án nơi Bên B có trụ sở sẽ là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản chính, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản để thực hiện.